



DANH MỤC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ VÀO CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số: **347** /NQ-HĐND ngày **28** tháng 11 năm 2014 của HĐND tỉnh Điện Biên khoá XIII, kỳ họp thứ 12)

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (Đại diện chủ đầu tư)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Trong đó						Địa điểm
				Đất trồng lúa				Đất rừng phòng hộ	Đất khác	
				Tổng diện tích	Đất lúa 2 vụ	Đất lúa 1 vụ	Đất lúa nương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12
I	THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ		6,728	0,505	0,505	0,000	0,000	0,000	6,224	
1	Đường ngã ba bệnh viện đi ngã tư Tà Lèng (bổ sung đoạn QL279 đến nút N20 khu TĐC NB) (cả giai đoạn I)	UBND thành phố	6,728	0,505	0,505				6,224	Phường Noong Bua, phường Him Lam
II	THỊ XÃ MƯỜNG LAY		17,211	3,051	0,000	0,887	2,164	0,000	14,161	
1	San nền, giao thông, thoát nước điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A	UBND thị xã Mường Lay	2,794	0,340		0,340			2,454	Xã Lay Nưa
2	Dự án đầu tư thâm tăng cường lớp bê tông nhựa mặt đường ; cải tạo đường cong bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102-Km139+650 Điện Biên	Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên	3,179	0,500		0,500			2,679	Xã Lay Nưa
3	Đường lên điểm định canh, định cư Hồ Huổi Luông A	UBND thị xã Mường Lay	11,239	2,211		0,047	2,164		9,028	Xã Lay Nưa
III	HUYỆN ĐIỆN BIÊN		75,142	7,624	1,186	0,680	5,758	19,334	48,185	
1	Cấp điện cửa khẩu Huổi Puốc	Ban QLDA chuyên ngành xây dựng tỉnh ĐB	0,006	0,006	0,006	0,000	0,000	0,000	0,000	Xã Mường Lói

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (Đại diện chủ đầu tư)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Đất trồng lúa				Đất rừng phòng hộ	Đất khác	Địa điểm
				Tổng diện tích	Đất lúa 2 vụ	Đất lúa 1 vụ	Đất lúa nương			
2	Đường Nà Tấu - Pa Khoang	Ban QLDA huyện ĐB	15,683	4,602		0,680	3,922	0,404	10,677	Xã Nà Tấu- Mường Phăng
3	Dự án Cải tạo nâng cấp đường Nà Nhạn - Mường Phăng	Ban quản lý các dự án giao thông trọng điểm tỉnh Điện Biên	41,299					15,430	25,869	
4	Đường Pa Thơm - Huổi Moi xã Pa Thơm huyện Điện Biên	Ban Dân tộc tỉnh	10,050					1,050	9,000	xã Pa Thơm
5	Đường giao thông vào khu tường niệm người có công với đất nước, với dân tộc tỉnh Điện Biên	Ban QLDA huyện ĐB	1,200	1,100	1,100	0,000	0,000	0,000	0,100	Thanh Nưa
6	Kênh mương thủy lợi bản Mường Pồn 1	Phòng Dân tộc huyện Điện Biên	0,080	0,080	0,080	0,000	0,000	0,000	0,000	xã Mường Pồn
7	Đường Tây trang Pa Thơm	Ban QLDA huyện ĐB	6,824	1,836			1,836	2,450	2,539	Xã Pa Thơm
IV	HUYỆN MUỜNG NHÉ		5,190	2,690			2,690	2,500		
1	Xây trường THCS	Sở GDĐT	0,100	0,100			0,100			xã Sín Thầu
2	Sắp xếp đất ở theo Đề án 79 bản Lò San Chải	P.Công Thương	2,500	0,000				2,500		xã Sen Thượng
3	Cải tạo lưới điện nông thôn	Điện lực Điện Biên	0,010	0,010			0,010			Bản Sen Thượng, Sen Thượng
4	Mạng lưới điện nông thôn	Điện lực Điện Biên	0,040	0,040			0,040			xã Mường Nhé
5	Đề án sắp xếp ổn định dân cư theo đề án 79	C.Ty Cổ phần cao Su Mường Nhé	2,500	2,500			2,500			Bản M.Nhé 2 xã Mường Nhé
6	Quy hoạch lưới điện nông thôn	Điện lực Điện Biên	0,040	0,040			0,040			xã Nậm Vì
V	HUYỆN MUỜNG CHÀ		3,754	3,570		0,254	3,317	0,134	0,049	
1	Xây dựng công trình đường dây 500kv Sơn La Lai Châu	Ban quản lý công trình điện Miền Bắc	3,236	3,053		0,254	2,799	0,134	0,049	Các xã

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (Đại diện chủ đầu tư)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Đất trồng lúa				Đất rừng phòng hộ	Đất khác	Địa điểm
				Tổng diện tích	Đất lúa 2 vụ	Đất lúa 1 vụ	Đất lúa nương			
2	Điện nông thôn		0,518	0,518			0,518			Các xã
VI	HUYỆN NẬM PỒ		11,273	9,345	1,137	2,810	5,398	1,928		
1	Trạm y tế xã Nậm Tin		0,150	0,150		0,150				Xã Nậm Tin
2	Trường dân tộc nội trú huyện Nậm Pồ		1,660	1,660		1,660				TT huyện
3	QH mở mới trường THCS Nậm Tin		1,000	1,000		1,000				Xã Nậm Tin
4	Đường Na Cô Sa - Mốc A 6 (bổ sung)	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	8,463	6,535	1,137		5,398	1,928		Xã Na Cô Sa
VII	HUYỆN MUỜNG ẢNG		20,445	5,250	4,674	0,576	0,000	2,443	12,753	
1	Thủy lợi Xuân Lao	Ủy ban nhân dân huyện Mường Ảng	4,137	1,595	1,565	0,030		2,443	0,099	Xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng
2	Tái định cư thị trấn Mường Ảng giai đoạn 1, huyện Mường Ảng		7,317	0,548	0,548				6,769	Thị trấn Mường Ảng
3	Công trình: Đường nội thị giai đoạn 1 (trục 42m) huyện Mường Ảng	Ủy ban nhân dân huyện	6,303	2,330	2,330				3,973	Thị trấn Mường Ảng, xã Ảng Cang
4	Thủy lợi bản Pá Cha + Kênh mương bản Cha Nọ, xã Ảng Tở	Ủy ban nhân dân huyện	2,246	0,546		0,546			1,701	Ảng Tở
5	Thủy lợi phai cửa rừng Pá Ten (2015)	Ủy ban nhân dân huyện	0,241	0,161	0,161				0,080	Ảng Nưa
6	Cải tạo mở rộng trụ sở xã Ngồi Cáy (XD nhà văn hóa xã và cơ quan Đảng, đoàn thể)	Ủy ban nhân dân huyện	0,200	0,070	0,070				0,130	Xã Ngồi Cáy
VIII	HUYỆN TUẦN GIÁO		4,354	0,390	0,060	0,330	0,000	0,480	3,484	
1	Thủy lợi Nậm Chăn	UBND huyện	0,950	0,150	0,000	0,150	0,000	0,000	0,800	xã Chiềng Đông
2	Đường Pú Nhung- Phình Sáng	Sở NN & PTNT	1,404	0,000	0,000	0,000	0,000	0,280	1,124	xã Pú Nhung

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (Đại diện chủ đầu tư)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Đất trồng lúa				Đất rừng phòng hộ	Đất khác	Địa điểm
				Tổng diện tích	Đất lúa 2 vụ	Đất lúa 1 vụ	Đất lúa nương			
3	Đường Mường Thín- Mường Mùn	Sở NN & PTNT	1,020	0,000	0,000	0,000	0,000	0,200	0,820	xã Mường Mùn
4	Sửa chữa thủy lợi Nà Chua	BQLDA	0,800	0,150	0,000	0,150	0,000	0,000	0,650	xã Mường Mùn
5	Sửa chữa đường + Ngầm tràn liên hợp bản Lối - Ngứa Trong xã Quài Tở	BQLDA	0,120	0,030	0,000	0,030	0,000	0,000	0,090	xã Quài Tở
6	Thủy lợi Nong tấu	UBND huyện	0,060	0,060	0,060	0,000	0,000	0,000	0,000	xã Quài Cang
IX	HUYỆN TỬA CHÙA		2,656	2,356	0,000	0,864	1,493	0,300	0,000	
1	Đường đi khu sản xuất Huổi Lóng - Hồng Ngải	Ban quản lý Dự án	0,759	0,759		0,696	0,063	0,000	0,000	Xã Huổi Sô
2	Nghĩa trang tái định cư Tà Si Láng xã Tủa Thàng	Ban quản lý Dự án	0,007	0,007		0,007	0,000	0,000	0,000	Xã Tủa Thàng
3	Nghĩa trang Huổi Lóng xã Huổi Sô	Ban quản lý Dự án	1,090	1,090		0,011	1,080	0,000	0,000	Xã Huổi Sô
4	Đường xã Mường Báng, khu TĐC Huổi Lực	UBND huyện Tủa Chùa	0,300	0,000		0,000	0,000	0,300	0,000	Xã Mường Báng
5	Thủy lợi Nà Sa xã Tả Phìn	Phòng NN và PTNT	0,500	0,500		0,150	0,350	0,000	0,000	Xã Tả Phìn
X	HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG		276,038	11,283	0,000	0,728	10,555	1,880	262,875	
1	Bãi xử lý rác thải thị trấn Điện Biên Đông	UBND huyện Điện Biên Đông	7,610					1,880	5,730	Thị trấn Điện Biên Đông
2	Đường Keo Lô - Sam Măn - Phình Giàng	UBND huyện	161,500	0,297		0,297	0,000	0,000	161,203	Xã Keo Lô, Phình Giàng

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (Đại diện chủ đầu tư)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Đất trồng lúa				Đất rừng phòng hộ	Đất khác	Địa điểm
				Tổng diện tích	Đất lúa 2 vụ	Đất lúa 1 vụ	Đất lúa nương			
3	Đường Trung Sua - Háng Lìa - Phì Sua, xã Keo Lôm	UBND huyện	65,300	0,300		0,300	0,000	0,000	65,000	Xã Keo Lôm, Háng Lìa
4	Nâng cấp tuyến đường Pá Vạt - Háng Lìa	UBND huyện	1,090	1,090		0,000	1,090	0,000	0,000	Xã Mường Luân, Háng Lìa
5	Nâng cấp tuyến đường Nậm Ngám - Bản Pú Nhi A, B, C, D xã Pú Nhi đến bản Sừ Lư 1,2,3,4,5 xã Na Son	UBND huyện	1,820	1,820		0,000	1,820	0,000	0,000	Xã Pú Nhi; Xã Na Son
6	Hợp phần hệ thống kênh và công trình trên kênh thuộc dự án hồ chứa nước Nậm Ngám xã Pú Nhi	Ban quản lý DA chuyên ngành sở NN&PTNT	38,718	7,775		0,131	7,645	0,000	30,943	Xã Pú Nhi, Nong U
46	Tổng cộng		422,792	46,063	7,562	7,128	31,374	28,998	347,731	

Ghi chú: Tổng số 46 dự án với tổng diện tích: 422,729 ha; trong đó: đất trồng lúa 46,063 ha; đất rừng phòng hộ 28,998ha. (dự án đã được phê duyệt và chấp thuận đầu tư)